TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2023/HSST
Ngày: 22-9-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Nữ

2/ Bà Huỳnh Thị Thùy Dương

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Kim Thoa, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 189/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2023/QĐXXST- HS ngày 08/9/2023 đối với các bị cáo:

1/ Lê Văn T, sinh năm: 1978 tại T; nơi thường trú: Thôn P, xã N, huyện T1, tỉnh T; chỗ ở: 14A/26 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K và bà Lê Thị S; bị cáo có vợ và 02 người con; tiền án:

- Ngày 23/9/2012, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 230/2012/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/02/2018.

- Ngày 31/5/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm) theo Bản án hình sự sơ thẩm số 126/2019/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/3/2022.

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 27/4/2006, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 09 tháng tù về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm

tội mà có, quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2006/HS-ST.

- Ngày 09/3/2009, bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2009/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/11/2009.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/5/2023 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

2/ Lê Duy K, sinh năm: 1992 tại Thành phố H; nơi thường trú: Ấp L, xã X, huyện C, tỉnh B1; chỗ ở: Khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Vũ Thị Bích N; bị cáo có vợ và 01 người con; tiền án: Ngày 21/3/2018, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội Cướp tài sản, quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2018/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/4/2022.

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 24/9/2010, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 245/2010/HSST.

- Ngày 27/4/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội Cướp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 61/2011/HSST, tổng hợp hình phạt của Bản án số 245/2010/HS-ST ngày 24/9/2010 của Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đối với Lê Duy K, xử phạt Lê Duy K 05 năm 06 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/6/2014.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 08/5/2023 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Bà Võ Thị Kiều D, sinh năm: 2004; trú tại: Ấp X, xã T, huyện U, tỉnh K, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Bà Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm: 2005; trú tại: Ấp M, xã S, huyện H, tỉnh K, vắng mặt.

2/ Bà Lê Thị Q, sinh năm: 1981; trú tại: Thôn P, xã N, huyện T1, tỉnh T, có mặt.

3/ Bà Võ Thị L, sinh năm: 1975; trú tại: Ấp H, xã V, huyện L, tỉnh Đ, vắng mặt.

4/ Ông Hà Quang Q, sinh năm: 1995; trú Tại: Số 146/22, đường H, phường 3, quận 5, Thành phố H, vắng mặt.

5/ Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm: 1992; trú tại: Ấp X, xã T, huyện U, tỉnh K, vắng mặt.

6/ Ông Nguyễn Quang T2, sinh năm: 1988; trú tại: Ấp P, xã P1, huyện L, tỉnh B1, vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Lê Trọng G, vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Phạm Thanh S, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Duy K và Lê Văn T có mối quan hệ quen biết do có thời gian cùng chấp hành án phạt tù tại Trại giam Tống Lê Chân ở tỉnh B2. Bản thân K có 01 (một) tiền án về tội Cướp tài sản; còn T có 02 (hai) tiền án về tội Tàng trữ, Mua bán trái phép chất ma túy; tội Trộm cắp tài sản và thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Khoảng 03 giờ ngày 07/5/2023, trong lúc T đang ở nhà tại địa chỉ số 14A/26, đường B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh B thì K gọi điện thoại rủ T đến nhà trọ của T3 (bạn của K, hiện chưa xác định nhân thân, lai lịch) ở phường P, thành phố Th để chơi; T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 66C1-475.57 chạy đến phòng trọ của K tại khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B rồi cả hai đi đến khu vực phường P, thành phố Th, tỉnh B. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, khi cả hai đi đến trước dãy nhà trọ, địa chỉ tại số 181, đường N, khu phố 9, phường P, thành phố Th, tỉnh B thì K nhìn thấy tại hành lang của dãy trọ có dựng nhiều xe mô tô và xung quanh không có người trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm và kêu T đứng bên ngoài cảnh giới để K vào bên trong lấy trộm xe, T đồng ý. Tiếp đó, K đi bộ vào bên trong dãy trọ và đẩy xe mô tô hiệu Honda Vission, màu đen, biển số 68L1-304.86 của chị Võ Thị Kiều D ra chỗ T đang đứng đợi. Sau đó, K ngồi lên xe mô tô biển số 68L1-304.86 để T điều khiển xe mô tô biển số 66C1-475.57 rồi dùng chân đẩy xe mô tô biển số 68L1-304.86 đi về phòng trọ của K cất giấu rồi cả hai đi ngủ.

Đối với chị Võ Thị Kiều D, đến sáng ngày 07/5/2023, do phát hiện xe mô tô biển số 68L1 - 304.86 đã bị mất trộm nên đến Công an phường Phú Hoà trình báo vụ việc. Đồng thời, chị D cho biết xe mô tô biển số 68L1-304.86 của chị D có gắn thiết bị định vị GPS và qua kiểm tra phát hiện vị trí xe đang ở khu vực khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B nên ngay sau đó chị D tiếp tục đến Công an phường Tân Đông Hiệp trình báo vụ việc.

Đối với Lê Duy K và Lê Văn T, sau khi chiếm đoạt được xe mô tô biển số 68L1-304.86 của chị D thì đến khoảng 06 giờ cùng ngày 07/5/2023, T và K bàn nhau thuê người làm lại chìa khóa (dạng remote) của xe mô tô biển số 68L1-304.86 để mở khoá xe rồi đem xe đi bán lấy tiền tiêu xài. Tiếp đó, T gọi điện thoại cho anh Lê Trọng G (bạn của T) để nhờ anh G tìm thợ làm chìa khoá xe, anh G đồng ý. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, anh G đi cùng với anh Nguyễn Quang T2 (thợ làm chìa khoá) đến phòng trọ của K để làm chìa khóa. Trong lúc anh T2 đang thực hiện làm chìa khóa cho xe mô tô biển số 68L1-304.86 thì bị lực lượng Công an phường Tân

Đông Hiệp đến kiểm tra hành chính và phát hiện xe mô tô biển số 68L1-304.86 của chị D trình báo bị mất trộm. Qua làm việc, K và T khai nhận xe mô tô biển số 68L1-304.86 là do K và T lấy trộm tại khu vực phường Phú Hòa, thành phố Th, tỉnh B mà có nên Công an phường Tân Đông Hiệp phối hợp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của K tại địa chỉ nêu trên và thu giữ số vật chứng gồm:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vission, biển số 68L1-304.86;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Winner, biển số 66C1-475.57;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vission, biển số 68D1-845.69;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vission, biển số 72K1-499.26;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 59F1-468.70;

- 01 một) máy đọc lỗi xe máy hiệu Smart Tool 2 Eco màu trắng - đen;

- 01 (một) máy đọc lỗi xe máy hiệu Smart Tool màu cam - đen;

- 03 (ba) dây cáp kết nối với máy đọc lỗi xe máy màu đen - đỏ;

- 07 (bảy) dây cáp kết nối với máy đọc lỗi xe máy màu đen;

- 06 (sáu) điều khiển điện tử (remote) xe mô tô bằng nhựa màu đen;

- 01 (một) thiết bị lập trình chip chìa khóa hiệu Mini 900 vỏ bằng nhựa màu đen - xanh;

- 01 (một) máy làm chìa khóa hiệu VVDI vỏ bằng nhựa màu đen - xám;

- 01 (một) máy làm chìa khóa hiệu Handy Baby vỏ bằng nhựa màu đen;

- 02 (hai) chìa khóa xe màu nâu;

- 02 (hai) mỏ hàn có dây màu đen, đầu nhọn bằng kim loại;

- 01 (một) tua-vít tay cầm màu bằng nhựa màu xanh; thân bằng kim loại đầu nhọn dẹp;

- 02 (hai) đoản kim loại có đầu dẹp;

- 01 (một) đoản kim loại hình chữ L;

- 01 (một) thẻ Ngân hàng MB tên Võ Thị Kiều D;

- 01 (một) thẻ chấm công bằng giấy tên D T3;

- 01 (một) điều khiển điện tử (remote) xe mô tô;

- 01 (một) nón bảo hiểm bằng nhựa màu xanh - đen;

- 01 (một) nón bảo hiểm bằng nhựa màu xám - đỏ;

- 01 (một) áo sơ mi tay dài màu xám;

- 01 (một) áo khoác hiệu Grab màu xanh.

Ngay sau đó, Công an phường Tân Đông Hiệp tiến hành lập hồ sơ ban đầu và chuyển hồ sơ vụ việc cùng các đối tượng Lê Duy K, Lê Văn T và số vật chứng đã thu giữ cho Công an phường Phú Hòa để tiếp tục xác minh, làm rõ. Sau đó, vụ việc

được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền. Tại Cơ quan điều tra, K và T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 162/KL-HĐĐGTS ngày 12/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen, biển số 68L1-304.86, trị giá 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng.

Bản Cáo trạng số 177/CT- VKSTDM ngày 30/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và bị cáo Lê Duy K về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như Cáo trạng và đề nghị:

a) Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Duy K mức án từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm 03 tháng tù.

b) Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 (hai) đoản kim loại được làm dẹp đầu và 01 (một) đoản kim loại hình chữ L.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn T: 01 (một) nón bảo hiểm bằng nhựa màu xanh – đen.

- Trả lại cho bị cáo Lê Duy K: 01 (một) nón bảo hiểm bằng nhựa màu xám - đỏ; 01 (một) áo sơ mi tay dài màu xám và 01 (một) áo khoác hiệu Grab màu xanh.

- Tiếp tục giữ lại 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 59F1-468.70 để xác minh, làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật.

c) Về trách nhiệm dân sự: Không.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T và Lê Duy K thống nhất toàn bộ nội dung bản cáo trạng, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về phần hình phạt đối với các bị cáo. Các bị cáo không tranh luận và không tự bào chữa. Lời nói sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, xin giảm nhẹ hình phạt, hứa cải sửa bản thân và không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Lê Văn T và Lê Duy K phù hợp các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ nên có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 04 giờ ngày 07/5/2023, tại khu trọ địa chỉ tại số 181, đường N, khu phố 9, phường P, thành phố Th, tỉnh B, các bị cáo Lê Duy K (là người có 01 tiền án về tội Cướp tài sản) và Lê Văn T (là người có 02 tiền án về các tội Tàng trữ, Mua bán trái phép chất ma túy; tội Trộm cắp tài sản và thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm) đã cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen, biển số 68L1-304.86, trị giá 32.000.000 đồng của bị hại Võ Thị Kiều D thì sau đó bị phát hiện bắt giữ.

Bị cáo Lê Văn T có tiền án về tôi "Trộm cắp tài sản" thuộc trường hợp tái phạp nguy hiểm, chưa được xóa án tích nhưng tại tiếp tục phạm tội. Hành vi của bị cáo Lê Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Lê Duy K đã đủ yếu tố cấu thành tội về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà các bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo K có 01 tiền án về tội Cướp tài sản và bị cáo T có 02 tiền án về các tội Tàng trữ, Mua bán trái phép chất ma túy; tội Trộm cắp tài sản và thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, để có tác dụng giáo dục các bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

Trước khi thực hiện tội phạm các bị cáo đã thống nhất ý chí với nhau từ trước nên vụ án mang tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Bị cáo K là người lên tiếng rủ rê bị cáo T và là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản nên đồng phạm với vai trò là người thực hành. Bị cáo T là người bị rủ rê nhưng hưởng ứng tích cực, thực hiện việc cảnh giới cho bị cáo K vào lấy tài sản nên đồng phạm với vai trò giúp sức. Do vậy cần có mức án tương xứng với hành vi, tính chất phạm tội và nhân thân của từng bị cáo

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Duy K phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo T và K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cãi; tài sản đã được thu hồi và giao trả cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo K, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra, xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen, biển số 68L1-304.86, số khung RLHJK0316MY012423, số máy JK03E0620624, 01 (một) thẻ Ngân hàng MB tên Võ Thị Kiều D; 01 (một) thẻ chấm công bằng giấy tên D T3, quá trình điều tra xác định các tài sản trên là của chị Võ Thị Kiều D nên ngày 15/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả lại cho chị D theo Quyết định xử lý vật chứng số 72/QĐ ngày 15/5/2023 là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Winner, màu xanh - trắng - đen, biển số 66C1-475.57, số khung RLHK2604KY000509, số máy KC26E1258240 (thu giữ của Lê Văn T), quá trình điều tra, xác minh xác định xe trên là của chị Lê Thị Q, sinh năm 1981, thường trú tại thôn P, xã N, huyện T1, tỉnh T (vợ của Lê Văn T) và xe này là tài sản riêng của chị Q. Do đó, ngày 26/6/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả lại xe trên cho chị Quỳnh theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 127/QĐ ngày 26/6/2023 là phù hợp.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu trắng - đen, biển số 68D1-845.69, số khung RLHJK034XP403440, số máy JK03E6214979 (thu giữ của anh Lê Trọng G), quá trình điều tra, xác minh xác định xe trên là của chị Nguyễn Thị Xuân H, sinh năm 2005, thường trú tại ấp M, xã S, huyện H, tỉnh K. Do đó, ngày 08/6/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả lại xe trên cho chị H theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 101/QĐ ngày 08/6/2023 là phù hợp.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 72K1-499.26, số khung RLHJF5816GY782152, số máy JF66E0540645 thu giữ của anh Nguyễn Quang T2, ngày 09/6/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả lại xe trên cho anh T2 theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 103/QĐ ngày 09/6/2023 là phù hợp.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 59F1-468.70, số khung RLHHC1219DY026884, số máy HC12E5027013, màu trắng-đen-bạc (thu giữ của Lê Duy K), quá trình điều tra Lê Duy K khai xe trên do K mượn của người bạn tên

Nguyễn Ngọc Mai T (hiện chưa xác định nhân thân, lai lịch) sử dụng làm phương tiện đi lại. Qua xác minh, xác định xe trên do anh Hà Quang H, sinh năm 1995, thường trú tại số 146/22, đường H, Phường 3, Quận 5, Thành phố H đứng tên trên giấy chứng nhận đăng ký xe. Qua làm việc, anh H khai vào năm 2015 anh H đã bán lại xe trên cho một người đàn ông (không rõ tên, nhân thân, lai lịch), khi bán xe anh H không làm thủ tục sang tên mà chỉ giao xe kèm giấy chứng nhận đăng ký xe cho người mua. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa ai đến nhận. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một tiếp tục giữ lại để xác minh, làm rõ, xử lý theo quy định pháp luật là có căn cứ.

- Đối với 01 (một) máy đọc lỗi xe máy hiệu Smart Tool 2 Eco màu trắng - đen; 01 (một) máy đọc lỗi xe máy hiệu Smart Tool màu cam - đen; 03 (ba) dây cáp kết nối với máy đọc lỗi xe máy màu đen - đỏ; 07 (bảy) dây cáp kết nối với máy đọc lỗi xe máy màu đen; 06 (sáu) điều khiển điện tử (remote) xe mô tô bằng nhựa màu đen; 01 (một) thiết bị lập trình chip chìa khóa hiệu Mini 900 vỏ bằng nhựa màu đen - xanh; 01 (một) máy làm chìa khóa hiệu VVDI vỏ bằng nhựa màu đen - xám; 01 (một) máy làm chìa khóa hiệu Handy Baby vỏ bằng nhựa màu đen; 02 (hai) chìa khóa xe màu nâu; 02 (hai) mỏ hàn có dây màu đen, đầu nhọn bằng kim loại; 01 (một) tua-vít tay cầm màu bằng nhựa màu xanh; thân bằng kim loại đầu nhọn dẹp và 01 (một) điều khiển điện tử (remote) xe mô tô, quá trình điều tra xác định những đồ vật trên là của anh Nguyễn Quang T2 mua để làm nghề sửa khoá. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả lại những đồ vật trên cho anh T2 theo Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu số 146/QĐ ngày 31/7/2023 là phù hợp.

- Đối với 02 (hai) đoản kim loại được làm dẹp đầu và 01 (một) đoản kim loại hình chữ L, quá trình điều tra Lê Duy K khai những đồ vật trên là của K sử dụng để bẻ khoá xe nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định tịch thu, tiêu huỷ là phù hợp.

- Đối với 01 (một) nón bảo hiểm bằng nhựa màu xanh - đen của Lê Văn T, quá trình điều tra xác định đây là tài sản cá nhân của T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định trả lại cho Lê Văn T là phù hợp.

- Đối với 01 (một) nón bảo hiểm bằng nhựa màu xám - đỏ; 01 (một) áo sơ mi tay dài màu xám và 01 (một) áo khoác hiệu Grab màu xanh của Lê Duy K, quá trình điều tra xác định các đồ vật trên là tài sản cá nhân của K, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một quyết định trả lại cho Lê Duy K là phù hợp.

- Đối với 01 (một) USB chứa đoạn video ghi lại hình ảnh Lê Duy K đi vào bên trong khu trọ địa chỉ tại số 181, đường N, khu phố 9, phường P, thành phố Th,

tỉnh B lấy trộm xe mô tô biển số 68L1-304.86 do chị Võ Thị Kiều D giao nộp và 01 (một) USB chứa đoạn video ghi lại hình ảnh Lê Văn T điều khiển xe mô tô đẩy xe mô tô do Lê Duy K điều khiển về phòng trọ của K do chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974, thường trú tại khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh B (chủ nhà trọ nơi Lê Duy K thuê ở) giao nộp, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã đóng dấu bút lục và chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Đối với anh Lê Trọng G và anh Nguyễn Quang T2, do không biết xe mô tô biển số 68L1-304.86 là do Lê Văn T và Lê Duy K trộm cắp mà có nên Cơ quan Công an không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Văn T và Lê Duy K phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2023.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Duy K 01 (một) năm 09 (chín) tháng tú, thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2023.

3. Biện pháp tư pháp:

- Tịch thu, tiêu hủy đối với:

+ 02 (hai) đoản kim loại được làm dẹp đầu;

+ 01 (một) đoản kim loại hình chữ L.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn T: 01 (một) nón bảo hiểm bằng nhựa màu xanh - đen.

- Trả lại cho bị cáo Lê Duy K:

+ 01 (một) nón bảo hiểm bằng nhựa màu xám - đỏ;

+ 01 (một) áo sơ mi tay dài màu xám;

+ 01 (một) áo khoác hiệu Grab màu xanh.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 158.23 ngày 30/8/2023 giữa Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một và Công an thành phố Thủ Dầu Một).

4. Về án phí: Bị cáo Lê Văn T và Lê Duy K mỗi người phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huỳnh Minh Trí